

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT  
HÀ HẢI**

Báo cáo tài chính đã kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2025



## MỤC LỤC

	Trang
THÔNG TIN VỀ CÔNG TY	2
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 28

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI

## THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

### THÔNG TIN CHUNG

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100769656, đăng ký thay đổi lần 07 ngày 18/12/2025, do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Nguyễn Văn Hải	Chủ tịch Hội đồng quản trị	
- Ông Nguyễn Quốc Vượng	Thành viên Hội đồng quản trị	<i>Miễn nhiệm ngày 18/12/2025</i>
- Ông Nguyễn Như Điền	Thành viên Hội đồng quản trị	<i>Miễn nhiệm ngày 23/04/2025</i>
- Ông Nguyễn Thanh Tâm	Thành viên Hội đồng quản trị	<i>Bầu ngày 18/12/2025</i>
- Ông Hoàng Đức Tài	Thành viên Hội đồng quản trị	<i>Bầu ngày 23/04/2025</i>

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Nguyễn Thanh Tâm	Giám đốc	<i>Bổ nhiệm 18/12/2025</i>
- Ông Nguyễn Quốc Vượng	Giám đốc	<i>Thời giữ chức vụ Giám đốc ngày 01/11/2025</i>
- Ông Nguyễn Thanh Phương	Quyền Giám đốc	<i>Giao quyền Giám đốc 03/12/2025</i>
- Ông Nguyễn Thanh Phương	Quyền Giám đốc	<i>Thời quyền Giám đốc ngày 18/12/2025</i>
- Ông Tạ Quang Sơn	Phó Giám đốc	<i>Chuyển công tác ngày 09/05/2025</i>
- Ông Nguyễn Hoài Trung	Phó Giám đốc	
- Ông Nguyễn Huy Công	Phó Giám đốc	<i>Chuyển công tác từ ngày 02/12/2025</i>

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Bà Trần Thị Hồng Vân	Trưởng Ban kiểm soát
- Bà Lâm Thị Ngọc	Thành viên Ban kiểm soát
- Ông Vũ Quang Hưng	Thành viên Ban kiểm soát

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01/01/2025 đến ngày 01/11/2025 là Ông Nguyễn Quốc Vượng - Chức danh: Giám đốc, Ông Nguyễn Thanh Phương - chức danh Quyền Giám đốc từ ngày 03/12/2025 đến ngày 17/12/2025, từ ngày 18/12/2025 đến ngày lập báo cáo này người đại diện theo pháp luật là Ông Nguyễn Thanh Tâm - Chức danh Giám đốc.

### TRỤ SỞ ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Công ty có trụ sở tại: Ngách 481/73, đường Ngọc Lâm, phường Bồ Đề, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Về báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần đường sắt Hà Hải phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

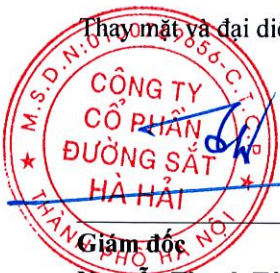
Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

### PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đính kèm được trình bày từ trang 05 đến trang 28. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực, hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Giám đốc  
Nguyễn Thanh Tâm

Số: BC/BDO/2026 . . .

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2026

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
*Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025*

**Kính gửi: CỎ ĐÔNG, HỘI ĐÔNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Đường sắt Hà Hải (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24 tháng 02 năm 2026 từ trang 5 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần đường sắt Hà Hải tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Bùi Văn Vương - Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán 0780-2023-038-1

**Phạm Thị Tú - Kiểm toán viên**  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán 2581-2023-038-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**B01-DN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>139.923.287.631</b>	<b>179.317.711.630</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>2.326.980.745</b>	<b>2.713.943.040</b>
1. Tiền	111		2.326.980.745	2.713.943.040
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>10.352.500.000</b>	<b>10.352.500.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	10.352.500.000	10.352.500.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>104.289.077.064</b>	<b>119.796.850.220</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.1	105.419.874.419	118.747.462.911
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	954.026.444	2.151.629.783
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.1	2.586.365.829	3.323.792.154
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3.2	(4.671.189.628)	(4.426.034.628)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>20.347.138.187</b>	<b>42.305.029.816</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	20.347.138.187	42.305.029.816
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.607.591.635</b>	<b>4.149.388.554</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8.1	-	142.376.492
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.577.409.402	3.568.645.414
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11.2	1.030.182.233	438.366.648
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>7.757.425.968</b>	<b>6.334.244.741</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>7.331.996.010</b>	<b>6.274.905.270</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	6.832.351.710	6.240.665.270
<i>Nguyên giá</i>	222		26.084.000.448	23.970.785.499
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(19.251.648.738)	(17.730.120.229)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	499.644.300	34.240.000
<i>Nguyên giá</i>	228		698.516.000	171.200.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(198.871.700)	(136.960.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>50.091.990</b>	<b>50.091.990</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		50.091.990	50.091.990
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>375.337.968</b>	<b>9.247.481</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.2	375.337.968	9.247.481
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>147.680.713.599</b>	<b>185.651.956.371</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B01 - DN

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>122.845.610.250</b>	<b>162.371.253.050</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>122.845.610.250</b>	<b>162.371.253.050</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	50.823.739.110	94.871.020.257
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	555.427.000	555.427.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12.1	3.750.067.695	3.589.122.364
4. Phải trả người lao động	314	V.13	26.413.718.204	26.599.854.580
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	90.647.279	82.050.571
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15.1	3.516.301.951	2.851.217.884
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16.1	35.800.801.826	31.182.533.281
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.894.907.185	2.640.027.113
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>24.835.103.349</b>	<b>23.280.703.321</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	<b>24.835.103.349</b>	<b>23.280.703.321</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		13.800.000.000	13.800.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		13.800.000.000	13.800.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.734.796.941	3.924.859.941
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		288.314.737	288.314.737
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.011.991.671	5.267.528.643
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.011.991.671	5.267.528.643
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>147.680.713.599</b>	<b>185.651.956.371</b>

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Bùi Thị Nguyệt

Kế toán trưởng

Nguyễn Nam Phong

Giám đốc



Nguyễn Thanh Tâm

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**B02-DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	316.142.634.817 ✓	336.947.331.317
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>316.142.634.817 ✓</b>	<b>336.947.331.317</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	280.779.754.517 ✓	304.865.690.579
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>35.362.880.300 ✓</b>	<b>32.081.640.738</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	708.041.340 ✓	846.588.262
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	559.823.663 ✓	286.749.953
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		559.823.663 ✓	286.749.953
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	27.511.708.757 ✓	24.838.830.152
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>7.999.389.220 ✓</b>	<b>7.802.648.895</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.6	-	465.955.215
12. Chi phí khác	32	VI.7	266.649.133 ✓	1.001.500.976
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(266.649.133)</b>	<b>(535.545.761)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>7.732.740.087 ✓</b>	<b>7.267.103.134</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	1.720.748.416 ✓	1.999.574.491
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>6.011.991.671 ✓</b>	<b>5.267.528.643</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.11</b>	<b>2.184</b>	<b>2.037</b>

Người lập biểu



Bùi Thị Nguyệt

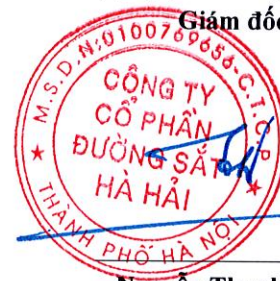
Kế toán trưởng



Nguyễn Nam Phong

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Giám đốc



Nguyễn Thanh Tâm

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		352.116.605.544	332.733.589.592
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(175.841.892.761)	(176.990.697.832)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(115.635.910.737)	(115.234.107.355)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(551.443.355)	(294.526.357)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.341.735.145)	(2.068.759.636)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		58.019.034	137.727.908
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(59.995.867.316)	(47.475.032.746)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(1.192.224.736)</b>	<b>(9.191.806.426)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.640.530.949)	(1.017.882.522)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	147.272.727
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		779.207.745	825.731.765
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.861.323.204)</b>	<b>(44.878.030)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		98.152.534.873	38.151.919.139
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(93.534.266.328)	(32.255.664.373)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.951.682.900)	(1.951.975.441)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>2.666.585.645</b>	<b>3.944.279.325</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(386.962.295)</b>	<b>(5.292.405.131)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>2.713.943.040</b>	<b>8.006.348.171</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>2.326.980.745</b>	<b>2.713.943.040</b>

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Bùi Thị Nguyệt

Kế toán trưởng

Nguyễn Nam Phong

Giám đốc



Nguyễn Thanh Tâm

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

### I. THÔNG TIN CHUNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước, được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 3908/QĐ-BGTVT ngày 30/10/2015 của Bộ giao thông vận tải về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Hà Hải thuộc Tổng Công ty đường sắt Việt Nam.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

- Kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt và hoạt động xây lắp liên quan đến đường sắt.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

##### *Hoạt động kinh doanh chính:*

- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Chi tiết: Kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt, Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Phá dỡ;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu;
- Chi tiết: Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Xây dựng nhà để ở; Xây dựng nhà không để ở;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm kinh doanh bất động sản);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình đường sắt;

#### 4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động của Công ty là khoảng thời gian từ khi mua nguyên vật liệu tham gia vào quy trình sản xuất đến khi chuyển đổi thành tiền hoặc tài sản để chuyển đổi thành tiền, thường không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, không có sự kiện về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi quy mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

#### 6. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có 01 đơn vị phụ thuộc, không có công ty con và công ty liên kết.

Tên	Địa chỉ	Hoạt động
- Xí nghiệp Xây lắp Công trình - Chi nhánh Công ty Cổ phần đường sắt Hà Hải.	Tổ 10 A Phường Việt Hưng, thành phố Hà Nội.	Kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt và hoạt động xây lắp liên quan đến đường sắt.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

### 7. Nhân viên

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 863 người (Tại ngày 31/12/2024 là 867 người).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Kỳ kế toán năm:** Theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT - BTC ngày 26/03/2016 sửa đổi một số điều của Thông tư 200/2014/ TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã lập và trình bày Báo cáo tài chính tuân thủ các yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các tài liệu hướng dẫn có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này. Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính của năm tài chính gần nhất.

### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Việc xác định các khoản tương đương tiền đảm bảo theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

### 2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban giám đốc có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, nếu các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo các quy định khác thì các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và được giảm trừ trực tiếp vào giá trị khoản đầu tư.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

### **Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

### **3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi từ khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải thu khách hàng:** Gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua, bán.
- **Phải thu khác:** Gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán (như: tạm ứng để phục vụ hoạt động kinh doanh của cán bộ nhân viên, phải thu tiền điện sinh hoạt khu tập thể, phải thu BHXH, BHYT, phải thu tiền thuế TNCN của cán bộ nhân viên, tiền khoán phân xưởng, tiền lương thiếu...).

### **Theo dõi khoản phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản nợ phải thu, căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### **4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Việc xác định được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 02 - "Hàng tồn kho", cụ thể: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** Bình quân gia quyền

**Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Kê khai thường xuyên

**Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ:**

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ được Công ty xác định bằng giá trị nguyên vật liệu cuối kỳ chưa được nghiệm thu.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đối với các sản phẩm cơ khí khác được xác định bằng chi phí thực tế phát sinh lũy kế theo từng sản phẩm.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

### 5. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định

#### a) Nguyên tắc kế toán tài sản cố định hữu hình

##### Tài sản cố định hữu hình (TSCĐ HH)

TSCĐ HH được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ HH là toàn bộ các chi phí Công ty phải bỏ ra để có TSCĐ tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Việc xác định nguyên giá TSCĐ HH đối với từng loại phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 về tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu (chi phí nâng cấp, cải tạo, duy tu, sửa chữa...) được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng TSCĐ HH vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của TSCĐ.

Khi TSCĐ HH được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi Bảng cân đối kế toán và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

TSCĐ HH được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính như sau:

<u>Nhóm TSCĐ</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	07 - 15 năm
Máy móc thiết bị	08 năm
Phương tiện vận tải	08 năm
Thiết bị quản lý	05 năm

#### b, Tài sản cố định vô hình (TSCĐ VH)

##### Chương trình phần mềm

Nguyên giá TSCĐ của các chương trình phần mềm được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà Công ty đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ. Chương trình phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 05 năm.

##### Các quy định khác về quản lý, sử dụng, khấu hao TSCĐ

Các quy định khác về quản lý, sử dụng, khấu hao TSCĐ được Công ty thực hiện theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 147/2016/TT-BTC sửa đổi một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013.

### 6. Nguyên tắc kế toán thuế

#### a) Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành (20%).

#### b) Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Chi phí trả trước chủ yếu bao gồm giá trị cước thuê bao internet, chi phí bảo hiểm, chi phí điều tra khối lượng sản xuất năm tiếp theo,... và các chi phí khác phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai của Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian sử dụng hoặc thời gian thu hồi chi phí ước tính của Công ty.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

### 8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được trình bày theo giá gốc. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải trả người bán:** Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản.
- **Phải trả khác:** Gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ (như: phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ, tiền khoán phân xưởng, tiền ủng hộ,...).

#### *Theo dõi các khoản phải trả*

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, khoản phải trả có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải trả ngắn hạn, khoản phải trả có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn giá trị phải thanh toán.

### 9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, khoản vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

### 10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

#### *Ghi nhận chi phí đi vay*

Chi phí đi vay trong năm là chi phí lãi vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm khi phát sinh (trừ các trường hợp vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay").

### 11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm, nhưng chưa được thực chi do chưa đủ hóa đơn chứng từ tại ngày kết thúc năm tài chính trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

#### *Cơ sở xác định các loại chi phí phải trả*

- **Phải trả tiền tiền điện, tiền điện thoại:** Căn cứ vào hợp đồng đã ký.
- **Trích trước chi phí lãi tiền vay:** Căn cứ số dư nợ gốc, thời hạn, lãi suất áp dụng.

ST  
C  
H  
I  
B

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**B09-DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

***Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu***

*Vốn góp của chủ sở hữu:* Phản ánh số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Vốn góp của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh chi tiết theo hai chỉ tiêu: vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần.

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Khoản tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt quá mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ các ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

***Nguyên tắc ghi nhận quỹ đầu tư phát triển***

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, số 10-25/NQ-HĐCĐ ngày 23/04/2025.

Tỷ lệ trích lập: trích lập số tiền là 809.937.000 VND.

Mục đích sử dụng: Đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Thẩm quyền ra quyết định trích lập và sử dụng quỹ: Đại hội đồng cổ đông

***Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối***

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận chưa phân phối được theo dõi chi tiết theo kết quả hoạt động kinh doanh của từng năm tài chính (năm trước, năm nay), đồng thời theo dõi chi tiết theo từng nội dung phân chia lợi nhuận (trích lập các quỹ, bổ sung Vốn đầu tư của chủ sở hữu, chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư).

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

***Doanh thu hoạt động công ích***

Doanh thu hoạt động sửa chữa, duy tu đường sắt được ghi nhận dựa trên cơ sở xác nhận của Ban quản lý cơ sở hạ tầng đường sắt và Tổng công ty đường sắt Việt Nam về khối lượng công việc hoàn thành và đơn giá sửa chữa theo hợp đồng kinh tế đã ký kết giữa hai bên.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

***Doanh thu hoạt động ngoài công ích***

Doanh thu hoạt động ngoài công ích chủ yếu là doanh thu hợp đồng xây dựng. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi có biên bản nghiệm thu, quyết toán được khách hàng chấp nhận thanh toán. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi, chênh lệch tỷ giá thực hiện.

*Lãi tiền gửi:* Được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có), gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát...

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán trong năm.

### 15. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: lãi tiền vay và lỗ các khoản đầu tư. Chi phí lãi vay và lỗ thanh lý các khoản đầu tư của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong năm.

### 16. Chi phí quản lý doanh nghiệp

**Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là các chi phí quản lý chung, gồm chi phí lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

### 17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch và số dư với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở Thuyết minh số VII.2.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	226.112.236	4.389.894
Tiền gửi ngân hàng	2.100.868.509	2.709.553.146
<b>Cộng</b>	<b><u>2.326.980.745</u></b>	<b><u>2.713.943.040</u></b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

#### 2.1 Các khoản đầu tư đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
<b>Ngắn hạn</b>						
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	10.352.500.000		10.352.500.000	10.352.500.000		10.352.500.000
<b>Cộng</b>	<b><u>10.352.500.000</u></b>		<b><u>10.352.500.000</u></b>	<b><u>10.352.500.000</u></b>		<b><u>10.352.500.000</u></b>

(\*) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 - 12 tháng, với lãi suất 4,0% - 4,8%/năm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Khoản tiền gửi này đang được cầm cố cho khoản vay của Công ty. Chi tiết tại Thuyết minh số V.14.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**2.2 Đầu tư vào đơn vị khác**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Hải Vân Nam	50.091.990	-	50.091.990	50.091.990	-	50.091.990
<b>Cộng</b>	<b>50.091.990</b>	<b>-</b>	<b>50.091.990</b>	<b>50.091.990</b>	<b>-</b>	<b>50.091.990</b>

**3. Phải thu khách hàng**

**3.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu khách hàng là bên không liên quan</b>	<b>21.909.265.470</b>	<b>35.630.777.640</b>
Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng huyện Gia Lâm	805.914.825	1.245.822.988
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Hải Phòng	1.948.246.468	1.948.246.468
Ban QL dự án đường sắt	5.244.514.663	13.102.136.928
Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	-	4.264.666.000
Công ty Cổ phần BOT38	5.491.069.198	5.491.069.198
Các đối tượng khác	8.419.520.316	9.578.836.058
<b>Phải thu khách hàng là bên liên quan</b>	<b>83.510.608.949</b>	<b>83.116.685.271</b>
<i>(Chi tiết phải thu khách hàng là bên liên quan được thuyết minh tại thuyết minh số VIII.2)</i>		
<b>Cộng</b>	<b>105.419.874.419</b>	<b>118.747.462.911</b>

**3.2 Dự phòng phải thu khó đòi**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>4.426.034.628</b>	<b>2.883.535.994</b>
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	245.155.000	1.542.498.634
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	-
Xóa nợ bằng khoản dự phòng trong năm	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4.671.189.628</b>	<b>4.426.034.628</b>

**4. Trả trước cho người bán**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Trả trước cho người bán là bên không liên quan</b>	<b>954.026.444</b>	<b>2.151.629.783</b>
Công ty cổ phần đầu tư thương mại phát triển công nghệ HT	-	833.827.500
Viện nghiên cứu chiến lược và phát triển Giao thông vận tải	-	249.638.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Tuấn Nam 77	627.832.512	-
Công ty TNHH Đầu tư xây dựng & dịch vụ HT	138.000.000	-
Các đối tượng khác	188.193.932	1.068.164.283
<b>Trả trước cho người bán là bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>954.026.444</b>	<b>2.151.629.783</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**5. Phải thu khác**

**5.1 Phải thu khác ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu bên thứ 3</b>	<b>2.125.595.601</b>	-	<b>2.860.521.926</b>	-
Tạm ứng	961.403.772	-	926.583.608	-
Phải thu khác	1.164.191.829	-	1.933.938.318	-
<i>Phải thu thuế TNCN của nhân viên</i>	<i>892.716.070</i>	-	<i>1.593.295.558</i>	-
<i>Phải thu lãi dự thu tính trước</i>	<i>257.945.375</i>	-	<i>329.950.736</i>	-
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>13.530.384</i>	-	<i>10.692.024</i>	-
<b>Phải thu khác từ bên liên quan</b>	<b>460.770.228</b>	-	<b>463.270.228</b>	-
Chi tiết tại Thuyết minh số VII.2				
<b>Cộng</b>	<b>2.586.365.829</b>	-	<b>3.323.792.154</b>	-

**6. Nợ xấu**

**6.1 Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán, hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Các khoản phải thu, cho vay ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Dương Châu	56.512.000	-	56.512.000	-
Công ty cổ phần Đường bộ 230 - Cienco1	20.077.000	-	20.077.000	-
Công ty TNHH MTV 17	48.019.000	-	48.019.000	-
Công ty Cổ phần phát triển đầu tư Thái Sơn bộ Q.P	969.484.000	-	969.484.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Hà Nội	36.773.000	-	36.773.000	-
Xí nghiệp Cầu 17 - CIENCO 1	566.930.400	-	566.930.400	-
Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu kỹ thuật Việt	100.000.000	-	100.000.000	-
Công ty cổ phần tập đoàn Thành Long	285.820.000	-	285.820.000	-
Công ty TNHH Nam Minh Hoàng	182.555.400	-	182.555.400	-
Công ty cổ phần công trình giao thông Hải Phòng	1.948.246.468	974.123.234	1.948.246.468	974.123.234
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Thương mại Thăng Long	1.185.740.594	-	1.185.740.594	-
Công ty cổ phần Xây dựng công trình Quang Huy	237.155.000	-	-	-
Ban quản lý Hồ Hoàn Kiếm và phố cổ Hà Nội	8.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.645.312.862</b>	<b>974.123.234</b>	<b>5.400.157.862</b>	<b>974.123.234</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**B09-DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
Nguyên liệu, vật liệu	2.467.687.334	-	3.545.950.352	-
Công cụ, dụng cụ	318.120.046	-	325.396.687	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	17.561.330.807	-	38.433.682.777	-
<b>Cộng</b>	<b>20.347.138.187</b>	<b>-</b>	<b>42.305.029.816</b>	<b>-</b>

**8. Chi phí trả trước**

**8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Khác	-	142.376.492
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>142.376.492</b>

**8.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá trị công cụ, dụng cụ phân bổ (intenet phục vụ đường ngang, phí duy trì hành trình kiểm đường, chi phí điều tra rà soát khối lượng kết cấu hạ tầng đường sắt năm 2026...)	375.337.968	-
Khác	-	9.247.481
<b>Cộng</b>	<b>375.337.968</b>	<b>9.247.481</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**B09-DN****9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 01/01/2025	7.416.169.083	9.213.427.441	5.917.772.507	1.249.176.468	174.240.000	23.970.785.499
Mua trong năm	-	808.478.404	1.304.736.545	-	-	2.113.214.949
XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>7.416.169.083</b>	<b>10.021.905.845</b>	<b>7.222.509.052</b>	<b>1.249.176.468</b>	<b>174.240.000</b>	<b>26.084.000.448</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>						
Tại ngày 01/01/2025	7.247.267.650	4.839.090.288	4.338.029.548	1.131.492.743	174.240.000	17.730.120.229
Khấu hao trong năm	55.929.800	989.069.691	434.307.185	42.221.833	-	1.521.528.509
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>7.303.197.450</b>	<b>5.828.159.979</b>	<b>4.772.336.733</b>	<b>1.173.714.576</b>	<b>174.240.000</b>	<b>19.251.648.738</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2025	168.901.433	4.374.337.153	1.579.742.959	117.683.725	-	6.240.665.270
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>112.971.633</b>	<b>4.193.745.866</b>	<b>2.450.172.319</b>	<b>75.461.892</b>	<b>-</b>	<b>6.832.351.710</b>

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Công ty tại ngày 31/12/2025 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 12.961.154.142 đồng. (Tại ngày 31/12/2024 là 11.642.445.051 đồng).  
 Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình của Công ty tại ngày 31/12/2025 đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay, cầm cố, thế chấp là 1.754.051.233 đồng. (Tại ngày 31/12/2024 là 2.457.457.921 đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**B09-DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>		
Tại ngày 01/01/2025	171.200.000	171.200.000
Mua trong năm	527.316.000	527.316.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>698.516.000</b>	<b>698.516.000</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>		
Tại ngày 01/01/2025	136.960.000	136.960.000
Khấu hao trong năm	61.911.700	61.911.700
Tăng khác	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>198.871.700</b>	<b>198.871.700</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2025	34.240.000	34.240.000
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>499.644.300</b>	<b>499.644.300</b>

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 đồng

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm chờ thanh lý: 0 đồng

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố cho vay: 0 đồng

**11. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
<b>Phải trả người bán là bên không liên quan</b>	<b>45.791.986.947</b>	<b>45.791.986.947</b>	<b>91.249.185.787</b>	<b>91.249.185.787</b>
Công ty TNHH Việt Thắng	2.718.829.516	2.718.829.516	-	-
Công ty cổ phần Thương mại và Tư vấn Tân Cơ	-	-	23.940.439.600	23.940.439.600
Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh xuất nhập khẩu Trường An	2.510.780.734	2.510.780.734	-	-
Công ty cổ phần Đầu tư Công trình Hà Nội	2.258.184.768	2.258.184.768	12.141.420.914	12.141.420.914
Công ty cổ phần Cơ khí cầu đường Hà Ninh	5.560.300.209	5.560.300.209	15.600.915.538	15.600.915.538
Công ty cổ phần Công trình 6	1.078.124.240	1.078.124.240	3.794.702.037	3.794.702.037
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại đường sắt Đông Dương	4.256.963.157	4.256.963.157	2.029.235.051	2.029.235.051
Công ty TNHH Thiết bị Công nghiệp Nam Việt	10.805.272.000	10.805.272.000	11.644.870.000	11.644.870.000
Công ty Cổ phần Thiết bị và Vật tư TH Việt Nam	-	-	1.096.835.832	1.096.835.832
Các đối tượng khác	16.603.532.323	16.603.532.323	21.000.766.815	21.000.766.815
<b>Phải trả người bán là bên liên</b>	<b>5.031.752.163</b>	<b>5.031.752.163</b>	<b>3.621.834.470</b>	<b>3.621.834.470</b>
Chi tiết thuyết minh tại Thuyết minh số VII.2				
<b>Cộng</b>	<b>50.823.739.110</b>	<b>50.823.739.110</b>	<b>94.871.020.257</b>	<b>94.871.020.257</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**B09-DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**12. Người mua trả tiền trước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban quản lý dự án Quận Long Biên	555.427.000	555.427.000
<b>Cộng</b>	<b>555.427.000</b>	<b>555.427.000</b>

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

**13.1 Thuế phải nộp**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.084.506.435	10.941.573.455	11.159.641.395	2.866.438.495
Thuế thu nhập doanh nghiệp	504.615.929	1.720.748.416	1.341.735.145	883.629.200
Các loại thuế khác	-	10.569.345	10.569.345	-
<b>Cộng</b>	<b>3.589.122.364</b>	<b>12.672.891.216</b>	<b>12.511.945.885</b>	<b>3.750.067.695</b>

**13.2 Thuế phải thu**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số đã thu trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế thu nhập cá nhân	438.366.648	135.747.056	727.562.641	1.030.182.233
<b>Cộng</b>	<b>438.366.648</b>	<b>135.747.056</b>	<b>727.562.641</b>	<b>1.030.182.233</b>

**Thuế GTGT**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**14. Phải trả người lao động**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương công trình và sửa chữa thường xuyên chưa trả	26.413.718.204	26.599.854.580
<b>Cộng</b>	<b>26.413.718.204</b>	<b>26.599.854.580</b>

**15. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản trích trước chi phí khác	90.647.279	82.050.571
<b>Cộng</b>	<b>90.647.279</b>	<b>82.050.571</b>

**16. Phải trả khác**

**16.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	3.149.359.197	2.298.197.862
Phải trả, phải nộp khác	366.942.754	553.020.022
Bồi thường thiệt hại tai nạn giao thông đường sắt	40.836.500	40.836.500
Các khoản khác	326.106.254	512.183.522
<b>Cộng</b>	<b>3.516.301.951</b>	<b>2.851.217.884</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B09-DN

**17. Vay và nợ thuê tài chính**

**17.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ ngắn hạn	31.182.533.281	31.182.533.281	98.152.534.873	93.534.266.328	35.800.801.826	35.800.801.826
Vay ngân hàng ngắn hạn (1)	31.182.533.281	31.182.533.281	98.152.534.873	93.534.266.328	35.800.801.826	35.800.801.826
<b>Cộng</b>	<b>31.182.533.281</b>	<b>31.182.533.281</b>	<b>98.152.534.873</b>	<b>93.534.266.328</b>	<b>35.800.801.826</b>	<b>35.800.801.826</b>

**Bên cho vay và hợp đồng vay**

	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo	Số dư tại ngày cuối năm
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam					
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 150/2025/40404/HĐTDHM ngày 01/10/2025	12 tháng kể từ ngày vay hoặc đến ngày 30/09/2026	Lãi theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể	Phục vụ hoạt động thường xuyên	Một số máy móc thiết bị và ô tô của Công ty; Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	35.800.801.826

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

B09-DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**18. Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	Số năm nay	Số năm trước
Số dư đầu năm	2.640.027.113	1.923.046.809
Số trích trong năm	2.475.791.643	2.044.325.304
Số sử dụng trong năm	3.220.911.571	1.327.345.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.894.907.185</b>	<b>2.640.027.113</b>

**19. Vốn chủ sở hữu**

**19.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	13.800.000.000	288.314.737	3.154.662.941	4.780.522.304	22.023.499.982
Lãi trong năm trước	-	-	-	5.267.528.643	5.267.528.643
Tăng khác, giảm khác	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	770.197.000	(2.001.000.000)	(1.230.803.000)
Phân phối các quỹ	-	-	-	(2.779.522.304)	(2.779.522.304)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>13.800.000.000</b>	<b>288.314.737</b>	<b>3.924.859.941</b>	<b>5.267.528.643</b>	<b>23.280.703.321</b>
Số dư đầu năm nay	13.800.000.000	288.314.737	3.924.859.941	5.267.528.643	23.280.703.321
Lãi trong năm nay	-	-	-	6.011.991.671	6.011.991.671
Chi trả cổ tức cho các cổ đông (*)	-	-	809.937.000	(2.001.000.000)	(1.191.063.000)
Phân phối các quỹ (*)	-	-	-	(3.266.528.643)	(3.266.528.643)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>13.800.000.000</b>	<b>288.314.737</b>	<b>4.734.796.941</b>	<b>6.011.991.671</b>	<b>24.835.103.349</b>

(\*): Công ty chi trả cổ tức và phân phối các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, số 10-25/NQ-HĐCĐ ngày 23/04/2025.

**19.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của Tổng Công ty đường sắt Việt Nam (Công ty mẹ)	7.038.000.000	7.038.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	6.762.000.000	6.762.000.000
<b>Cộng</b>	<b>13.800.000.000</b>	<b>13.800.000.000</b>

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	13.800.000.000	13.800.000.000
+ Vốn góp cuối năm	13.800.000.000	13.800.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(2.001.000.000)	(2.001.000.000)

**Cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.380.000	1.380.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	1.380.000	1.380.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.380.000	1.380.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.380.000	1.380.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.380.000	1.380.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND	

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**B09-DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**19.3 Cổ tức**

Cổ tức sẽ được công bố sau Đại hội đồng cổ đông năm 2026.

**19.4 Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu**

**Mục đích trích lập quỹ**

*Quỹ đầu tư phát triển*: Được sử dụng cho việc đầu tư mở rộng các hoạt động kinh doanh trong tương lai như đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khác, mua sắm TSCĐ, XDCB, nghiên cứu và phát triển, đào tạo và cải thiện môi trường làm việc.

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số trích lập thêm</u>	<u>Số đã sử dụng</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ đầu tư phát triển	3.924.859.941	809.937.000	-	4.734.796.941
Quỹ khác thuộc vốn chủ	288.314.737	-	-	288.314.737
<b>Cộng</b>	<b>4.213.174.678</b>	<b>809.937.000</b>	<b>-</b>	<b>5.023.111.678</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hoạt động công ích	202.310.831.557	196.950.489.815
Doanh thu hoạt động ngoài công ích	113.831.803.260	139.996.841.502
<b>Cộng</b>	<b>316.142.634.817</b>	<b>336.947.331.317</b>
<b>Trong đó</b>		
Doanh thu bán cho bên thứ ba	20.445.298.339	89.833.153.352
Doanh thu bán cho bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số VII.2)	295.697.336.478	247.114.177.965
<b>Cộng</b>	<b>316.142.634.817</b>	<b>336.947.331.317</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hoạt động công ích	172.948.503.286	170.770.238.237
Giá vốn hoạt động ngoài công ích	107.831.251.231	134.095.452.342
<b>Cộng</b>	<b>280.779.754.517</b>	<b>304.865.690.579</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	708.041.340	846.588.262
<b>Cộng</b>	<b>708.041.340</b>	<b>846.588.262</b>

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền vay	559.823.663	286.749.953
<b>Cộng</b>	<b>559.823.663</b>	<b>286.749.953</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**B09-DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	19.808.645.009	17.814.354.681
Chi phí đồ dùng văn phòng	244.156.166	108.051.818
Chi phí khấu hao TSCĐ	308.642.804	333.059.351
Thuế, phí và lệ phí	177.411.757	-
Chi phí dự phòng	245.155.000	1.542.498.634
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.986.725.405	1.350.924.771
Chi phí bằng tiền khác	4.740.972.616	3.689.940.897
<b>Cộng</b>	<b>27.511.708.757</b>	<b>24.838.830.152</b>

**6. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	130.504.133
Thu nhập từ việc khắc phục sự cố tai nạn đường sắt	-	335.451.082
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>465.955.215</b>

**7. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Tiền nộp lại chi phí theo kết luận của thanh tra, kiểm tra	6.846.617	530.721.727
Chi phí khắc phục sự cố tai nạn đường sắt	-	301.513.625
Chi phí rà soát đảm bảo an toàn đường sắt	207.054.692	-
Các khoản khác	52.747.824	169.265.624
<b>Cộng</b>	<b>266.649.133</b>	<b>1.001.500.976</b>

**8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	98.157.882.674	139.989.767.868
Chi phí nhân công	138.161.018.840	137.656.474.167
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.652.287.155	3.570.584.756
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.583.440.209	1.687.226.273
Chi phí dự phòng	245.155.000	1.542.498.634
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.236.267.786	44.566.967.996
Chi phí khác bằng tiền	14.383.059.640	12.046.575.844
<b>Cộng</b>	<b>287.419.111.304</b>	<b>341.060.095.538</b>

**9. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.720.748.416	1.601.830.651
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	397.743.840
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.720.748.416</b>	<b>1.999.574.491</b>

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**B09-DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Dưới đây là bảng chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm của Công ty:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế	7.732.740.087	7.267.103.134
<b>Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán</b>		
Các khoản điều chỉnh tăng	871.001.992	742.050.119
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	266.649.133	742.050.119
Doanh thu đã tính vào TNCT của (các) kỳ trước	604.352.859	-
Thù lao HĐQT không chuyên trách		
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	8.603.742.079	8.009.153.253
Thuế suất	20%	20%
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành</b>	<b>1.720.748.416</b>	<b>1.601.830.651</b>

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	<b>6.011.991.671</b>	<b>5.267.528.643</b>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	<b>6.011.991.671</b>	<b>5.267.528.643</b>
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm (*)	2.998.492.000	2.456.591.643
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.380.000	1.380.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.184</b>	<b>2.037</b>

(\*) Kiểm toán đang lấy số trích quỹ khen thưởng năm 2025 theo Kế hoạch đề ra

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được xác định như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	1.380.000	1.380.000
Cộng: Số lượng cổ phiếu phát hành thêm lưu hành bình quân trong năm	-	-
Trừ: Số lượng cổ phiếu quỹ mua lại bình quân trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	1.380.000	1.380.000

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

**2. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát phía bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Các bên có liên quan là các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**B09-DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**2.1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc.  
 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

**Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Họ và tên bên liên quan	Các khoản thu nhập	Năm nay	Năm trước
Nguyễn Văn Hải	Lương, thưởng, phụ cấp	533.100.034	556.881.137
Nguyễn Quốc Vượng	Lương, thưởng, phụ cấp	473.135.920	542.528.254
Tạ Quang Sơn	Lương, thưởng, phụ cấp	242.758.350	478.573.571
Nguyễn Huy Công	Lương, thưởng, phụ cấp	399.322.557	238.602.881
Nguyễn Hoài Trung	Lương, thưởng, phụ cấp	424.778.512	461.876.724
Nguyễn Như Điền	Lương, thưởng, phụ cấp	-	171.116.466
Hoàng Đức Tài	Lương, thưởng, phụ cấp	415.835.106	420.564.647
Nguyễn Thanh Phương	Lương, thưởng, phụ cấp	408.859.403	-
Nguyễn Nam Phong	Lương, thưởng, phụ cấp	392.936.266	-
Trần Thị Hồng Vân	Lương, thưởng, phụ cấp	381.584.555	415.235.935
<b>Cộng</b>		<b>3.672.310.703</b>	<b>3.285.379.615</b>

**2.2 Các bên liên quan khác**

Danh sách các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đá Đồng Mô	Công ty con cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng	Công ty con cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái	Công ty con cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	Công ty con cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Hà Nội	Công ty con cùng công ty mẹ
Công ty cổ phần Đường sắt Vĩnh Phú	Công ty con cùng công ty mẹ
Công ty cổ phần xe lửa Gia Lâm	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
CN TCT ĐSVN - Khai thác đường sắt Hà Nội	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
CN TCT ĐSVN - Xí nghiệp đầu máy Hà Nội	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
Trường Cao đẳng nghề đường sắt	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
CN TCT ĐSVN - Khai thác đường sắt Hà Thái Hải	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ

Giao dịch với các bên liên quan này trong năm là khoản cung cấp dịch vụ, bán hàng thực hiện cho các bên liên quan, cụ thể như sau:

	Năm nay	Năm trước
<b>Giao dịch bán hàng trong năm</b>		
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	295.697.336.478	234.383.640.411
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái	-	(42.062.768)
CN TCT ĐSVN - Khai thác đường sắt Hà Thái Hải	-	449.275.000
Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu đường sắt Hà Nội	-	12.323.325.322
<b>Cộng</b>	<b>295.697.336.478</b>	<b>247.114.177.965</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ HẢI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**B09-DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

<i>Giao dịch mua hàng trong năm</i>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
CN TCT ĐSVN - Khai thác đường sắt Hà Thái Hải	269.285.600	214.220.792
Công ty cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	1.134.143.290	1.020.147.612
Công ty cổ phần Đường sắt Hà Lạng	-	112.976.544
Công ty cổ phần xe lửa Gia Lâm	575.686.900	1.133.504.000
Công ty cổ phần thông tin tín hiệu đường sắt Hà Nội	2.621.053.562	12.323.325.322
CN TCT ĐSVN - Xí nghiệp đầu máy Hà Nội	481.949.429	481.949.429
Trường Cao đẳng nghề đường sắt	247.000.000	95.600.000
CN TCTĐSVN - Khai thác đường sắt Hà Nội	12.378.108	6.189.054
<b>Cộng</b>	<b>5.341.496.889</b>	<b>15.387.912.753</b>

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan khác như sau:

**Phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh chi tiết cho khoản mục V.3)**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	82.935.877.727	82.457.387.549
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái	574.731.222	574.731.222
Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Hà Nội	-	84.566.500
<b>Cộng</b>	<b>83.510.608.949</b>	<b>83.116.685.271</b>

**Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh chi tiết cho khoản mục V.5)**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	460.770.228	463.270.228
<b>Cộng</b>	<b>460.770.228</b>	<b>463.270.228</b>

**Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh chi tiết cho khoản mục V.11)**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
CN TCT ĐSVN - Xí nghiệp đầu máy Hà Nội	260.252.691	260.252.691
Công ty cổ phần Đường sắt Hà Lạng	328.136.797	450.151.464
CN TCT ĐSVN - Khai thác đường sắt Hà Thái Hải	221.844.076	231.358.455
Công ty cổ phần Đá Đồng Mỏ	289.245.390	224.851.550
Công ty cổ phần Thông tin Tín hiệu đường sắt Hà Nội	2.644.976.832	1.572.677.432
Công ty cổ phần xe lửa Gia Lâm	62.421.624	668.424.320
Trường Cao đẳng nghề đường sắt	-	73.600.000
CN TCT ĐSVN - Khai thác đường sắt Hà Nội	-	6.684.178
Công ty cổ phần đường sắt Thanh Hóa	1.224.874.753	133.834.380
<b>Cộng</b>	<b>5.031.752.163</b>	<b>3.621.834.470</b>

**3. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh được trình bày theo số liệu từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu



Bùi Thị Nguyệt

Kế toán trưởng



Nguyễn Nam Phong

Giám đốc



Nguyễn Thanh Tâm